

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)  
HOÀNG HOÀ BÌNH - TRẦN MẠNH HƯỞNG  
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG - NGUYỄN TRÍ

# Tiếng Việt

SÁCH GIÁO VIÊN  
TẬP MỘT

5

(Tái bản lần thứ bảy)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo

---

01-2013/CXB/53-1135/GD

Mã số : 1G501T3

# PHẦN MỘT

## HƯỚNG DẪN CHUNG

### I – MỤC TIÊU CỦA MÔN TIẾNG VIỆT Ở LỚP 5

**1. Lớp 5 là lớp cuối cấp Tiểu học, hoàn thành mục tiêu đặt ra cho môn Tiếng Việt ở toàn cấp là :**

a) Hình thành và phát triển ở học sinh (HS) các *kĩ năng* sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi.

Thông qua việc dạy và học tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác của tư duy.

b) Cung cấp cho HS những *kiến thức* sơ giản về tiếng Việt và những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên và con người, về văn hoá và văn học của Việt Nam và nước ngoài.

c) Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt, góp phần hình thành *nhân cách* con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**2. Ở lớp 5, mục tiêu nói trên được cụ thể hoá thành những yêu cầu về kiến thức và kĩ năng đối với học sinh như sau :**

#### *a) Nghe*

– Nhận biết được thái độ, tình cảm, chủ đích của người nói trong giao tiếp.

– Nghe và nắm được nội dung và chủ đích của các bài viết về khoa học thường thức, về đạo đức, thẩm mĩ, về tình bạn,... phù hợp với lứa tuổi ; bước đầu nhận xét, đánh giá được một số thông tin đã nghe.

– Nghe và nắm được đại ý, đề tài của các tác phẩm (hoặc trích đoạn) văn xuôi, thơ, kịch ; bước đầu biết nhận xét về nhân vật và những chi tiết có giá trị nghệ thuật trong tác phẩm ; nhớ và kể lại được nội dung tác phẩm.

– Ghi được ý chính của bài đã nghe.

#### *b) Nói*

– Nói trong hội thoại :

+ Biết dùng lời nói phù hợp với các quy tắc giao tiếp trong gia đình, trong nhà trường và ở nơi công cộng.

+ Biết giải thích rõ thêm vấn đề đang trao đổi ; tán thành, hay bác bỏ một ý kiến.

– Nói thành bài :

+ Biết phát triển một chủ đề đơn giản trước lớp.

+ Biết cách giới thiệu về lịch sử, văn hoá, về các nhân vật tiêu biểu,... của địa phương với khách.

+ Thuộc lại được một câu chuyện đã đọc hoặc một sự kiện đã biết ; bước đầu có kĩ năng thay đổi ngôi kể.

*c) Đọc*

– Tốc độ tối thiểu khoảng 120 tiếng / phút.

– Đọc thành tiếng và đọc thầm :

+ Biết cách đọc phù hợp với các loại văn bản khác nhau (nghệ thuật, hành chính, khoa học, báo chí,...). Biết đọc một màn kịch hoặc một vở kịch ngắn có giọng đọc phù hợp với nhân vật và tình huống kịch.

+ Biết đọc diễn cảm một bài thơ đã thuộc hoặc một đoạn văn đã học.

+ Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 4.

– Đọc hiểu :

+ Biết tìm đại ý, tóm tắt bài văn, chia đoạn, rút ra dàn ý của bài.

+ Nhận ra các mối quan hệ giữa các nhân vật, sự kiện trong bài.

+ Bước đầu biết đánh giá nhân vật, chi tiết và ngôn ngữ trong các bài tập đọc có giá trị văn chương.

+ Hiểu các kí hiệu, các dạng viết tắt, các số liệu trên sơ đồ, biểu đồ, bảng hiệu,...

– Kĩ năng phụ trợ :

+ Biết dùng từ điển.

+ Biết ghi chép các thông tin đã đọc.

+ Thuộc lòng một số bài văn vần và đoạn văn xuôi.

*d) Viết*

– Viết chính tả

+ Biết viết chính tả với tốc độ 90 chữ / 15 phút, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng quy định.

- + Biết lập sổ tay chính tả ; hệ thống hoá các quy tắc chính tả đã học.
- + Biết viết tắt một số từ và cụm từ thông dụng.
- + Có ý thức khắc phục các lỗi chính tả phương ngữ.
- Viết bài văn :
  - + Chuyển đoạn nói sang đoạn viết và ngược lại.
  - + Biết làm dàn ý và chuyển dàn ý thành bài.
  - + Biết cách tả cảnh, tả người ; kể một câu chuyện đã làm hoặc chứng kiến ; viết đơn từ, biên bản.
  - + Tự phát hiện và sửa được một số lỗi trong bài văn.

*e) Kiến thức tiếng Việt và văn học (học thành tiết riêng)*

- Về từ vựng :
  - + Mở rộng vốn từ theo chủ điểm. Biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, một số thành ngữ.
  - + Hiểu và bước đầu vận dụng được kiến thức về nghĩa của từ (các hiện tượng đồng nghĩa, trái nghĩa, chuyển nghĩa, đồng âm) vào việc hiểu văn bản văn học và thực hành nói, viết.
  - + Biết vận dụng kiến thức đã học về các biện pháp tu từ so sánh và nhân hoá vào việc hiểu văn bản văn học và thực hành nói, viết.
- Về ngữ pháp :
  - + Nắm được đặc điểm và bước đầu biết cách sử dụng đại từ, quan hệ từ.
  - + Nắm được cấu tạo của câu ghép và biết cách đặt câu ghép.
  - + Hệ thống hoá kiến thức về câu và dấu câu đã học.
- Về văn bản :
  - + Biết cách đặt đầu đề cho văn bản.
  - + Biết cách liên kết các câu và đoạn văn trong văn bản.
- Về văn học
  - + Có hiểu biết về cách gieo vần.
  - + Làm quen với một số trích đoạn kịch.

## II – QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA *TIẾNG VIỆT 5*

### 1. Quan điểm dạy giao tiếp

Để thực hiện mục tiêu "hình thành và phát triển ở HS các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết), để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi", cũng như sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt ở các lớp khác, SGK *Tiếng Việt 5* lấy nguyên tắc dạy giao tiếp làm định hướng cơ bản.

Có thể hiểu giao tiếp là hoạt động trao đổi tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... nhằm thiết lập quan hệ, sự hiểu biết hoặc sự cộng tác giữa các thành viên trong xã hội. Người ta giao tiếp với nhau bằng nhiều phương tiện, nhưng phương tiện thông thường và quan trọng nhất là ngôn ngữ.

Hoạt động giao tiếp bao gồm các hành vi giải mã (nhận thông tin) và kí mã (phát thông tin) ; trong ngôn ngữ, mỗi hành vi đều có thể được thực hiện bằng hai hình thức là khẩu ngữ (nghe, nói) và bút ngữ (đọc, viết).

Quan điểm dạy giao tiếp được thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và phương pháp dạy học. Về nội dung, thông qua các phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Chính tả, Tập làm văn, *Tiếng Việt 5* tạo ra những môi trường giao tiếp có chọn lọc để HS mở rộng vốn từ theo định hướng, trang bị những tri thức nền và phát triển các kĩ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp. Về phương pháp dạy học, các kĩ năng nói trên được dạy thông qua việc tổ chức hoạt động giao tiếp cho HS.

### 2. Quan điểm tích hợp

*Tích hợp* nghĩa là tổng hợp trong một đơn vị học, thậm chí một tiết học hay một bài tập nhiều mảng kiến thức và kĩ năng liên quan với nhau nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục và tiết kiệm thời gian học tập cho người học. Có thể thực hiện tích hợp theo chiều ngang và chiều dọc.

a) *Tích hợp theo chiều ngang* là tích hợp kiến thức tiếng Việt với các mảng kiến thức về văn học, thiên nhiên, con người và xã hội theo nguyên tắc đồng quy. Hướng tích hợp này được SGK *Tiếng Việt 5* thực hiện thông qua hệ thống các chủ điểm học tập. Theo quan điểm tích hợp, các phân môn (Tập đọc, Kể chuyện, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn) trước đây ít gắn bó với nhau, nay được tập hợp lại xung quanh trục chủ điểm và các bài đọc ; các nhiệm vụ cung cấp kiến thức và rèn luyện kĩ năng cũng gắn bó chặt chẽ với nhau hơn trước.

b) *Tích hợp theo chiều dọc* là tích hợp ở một đơn vị kiến thức và kĩ năng mới với những kiến thức và kĩ năng đã học trước đó theo nguyên tắc đồng tâm (còn gọi là đồng trục hay vòng tròn xoáy tròn ốc). Cụ thể là : kiến thức và kĩ năng của lớp trên, bậc học trên bao hàm kiến thức và kĩ năng của lớp dưới, cấp học dưới, nhưng cao hơn, sâu hơn kiến thức và kĩ năng của lớp dưới, cấp học dưới. Có thể lấy một vài ví dụ trong các cuốn SGK Tiếng Việt để làm rõ điều này :

– Trong bộ SGK, chủ điểm được chọn làm khung cho cả cuốn sách. Mỗi chủ điểm ứng với một đơn vị học. Ở lớp 1, thời gian dành cho mỗi đơn vị học là một tuần ; các chủ điểm lần lượt trở đi trở lại theo kiểu đồng tâm xoáy tròn ốc ; mỗi lần trở lại là một lần được khai thác sâu hơn. Từ lớp 2 đến lớp 3, mỗi chủ điểm được dạy trong hai tuần ; vòng đồng tâm xoáy tròn ốc ở đây thưa hơn : phải sau một năm, học sinh mới trở lại với chủ điểm đã học. Đến lớp 4 và lớp 5, mỗi chủ điểm được dạy trong 3 tuần và chỉ xuất hiện một lần.

– Về nội dung, ở cả ba lớp đầu cấp, toàn bộ các bài học đều được xây dựng theo các chủ điểm *Nhà trường, Gia đình, Xã hội và Thiên nhiên*. Tuy vậy, các chủ điểm được mở rộng và nâng cao dần ở mỗi lớp. Ví dụ : Ở lớp 2, các chủ điểm trên được chia nhỏ với các tên gọi như : *Em là học sinh, Bạn bè, Trường học, Thầy cô, Cha mẹ, Anh em, Ông bà, Bạn trong nhà, Bốn mùa, Chim chóc, Muông thú, Sông biển, Cây cối, Bác Hồ, Nhân dân*. Đến lớp 3, các chủ điểm từ tuần 1 đến tuần 6 (*Măng non, Mái ấm, Tới trường*) tuy quen thuộc nhưng đã được mở rộng và nâng cao một bậc so với lớp 2 ; các chủ điểm từ tuần 7 đến tuần 32 (*Cộng đồng, Quê hương, Bắc – Trung – Nam, Anh em một nhà, Thành thị – nông thôn, Bảo vệ Tổ quốc, Sáng tạo, Nghệ thuật, Lễ hội, Thể thao, Ngôi nhà chung, Bầu trời và mặt đất*) thể hiện những nội dung hoàn toàn mới so với lớp 2.

Sang lớp 4, các chủ điểm phản ánh những phương diện khác nhau của *Con người*, cụ thể là :

+ Các phẩm chất :

- Nhân hậu (với tên gọi *Thương người như thể thương thân*)
- Trung thực (*Măng mọc thẳng*)
- Dũng cảm (*Những người quả cảm*)
- Nghị lực (*Có chí thì nên*)
- Có óc thẩm mĩ (*Vẻ đẹp muôn màu*)
- Lạc quan, yêu đời (*Tình yêu cuộc sống*)

- + Năng lực (*Người ta – hoa đất*)
- + Ước mơ (*Trên đôi cánh ước mơ*)
- + Sở thích :

- Vui chơi (*Tiếng sáo diều*)
- Du lịch, thám hiểm (*Khám phá thế giới*)

Tới lớp 5 – lớp cuối cấp Tiểu học, các bài học có nội dung xoay quanh *những vấn đề lớn đặt ra cho đất nước, dân tộc và toàn thể loài người* như :

- + Yêu Tổ quốc (*Việt Nam – Tổ quốc em*).
  - + Bảo vệ hoà bình, vun đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc (*Cánh chim hoà bình*).
  - + Sống hài hoà với thiên nhiên, chinh phục thiên nhiên (*Con người với thiên nhiên*).
  - + Bảo vệ môi trường (*Giữ lấy màu xanh*).
  - + Chống bệnh tật, đói nghèo, lạc hậu (*Vì hạnh phúc con người*).
  - + Sống, làm việc theo pháp luật, xây dựng xã hội văn minh (*Người công dân*).
  - + Bảo vệ an ninh, trật tự xã hội (*Vì cuộc sống thanh bình*).
  - + Giữ gìn và phát huy bản sắc, truyền thống dân tộc (*Nhớ nguồn*).
  - + Thực hiện bình đẳng nam nữ (*Nam và nữ*).
  - + Thực hiện quyền của trẻ em (*Những chủ nhân tương lai*).
- Các kĩ năng giao tiếp dạy ở các lớp cũng đòi hỏi cao dần về mức độ, chẳng hạn : từ yêu cầu đọc trơn nâng lên đọc thầm, rồi đọc lướt nắm ý ; từ yêu cầu giao tiếp thông thường nâng lên yêu cầu giao tiếp chính thức.

### **3. Quan điểm tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh**

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới chương trình và SGK lần này là đổi mới phương pháp dạy và học : chuyển từ phương pháp truyền thụ sang phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó thầy (cô) đóng vai trò người tổ chức hoạt động của HS ; mỗi HS đều được hoạt động, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Thể theo phương pháp tích cực hoá hoạt động học tập của HS, SGK *Tiếng Việt 5* không trình bày kiến thức như là những kết quả có sẵn mà xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động nhằm chiếm lĩnh kiến thức và

phát triển kĩ năng sử dụng tiếng Việt ; sách giáo viên (SGV) *Tiếng Việt 5* hướng dẫn thầy (cô) cách thức cụ thể tổ chức các hoạt động này.

### III – NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA *TIẾNG VIỆT 5*

#### 1. Các đơn vị học

SGK *Tiếng Việt 5* (hai tập) gồm 10 đơn vị học, mỗi đơn vị ứng với một chủ điểm, học trong 3 tuần (trừ chủ điểm *Vì hạnh phúc con người* học trong 4 tuần). Giữa và cuối mỗi học kì đều có 1 tuần dành cho ôn tập và kiểm tra. Các tuần dành để ôn tập và kiểm tra là 10, 18, 28 và 35.

#### 2. Các phân môn

– Phân môn *Tập đọc* rèn cho HS các kĩ năng đọc, nghe và nói. Cũng như ở các lớp dưới, thông qua hệ thống bài đọc theo chủ điểm và những câu hỏi tìm hiểu bài, phân môn Tập đọc cung cấp cho HS những hiểu biết về thiên nhiên, xã hội và con người, cung cấp vốn từ, tăng cường khả năng diễn đạt, trang bị một số hiểu biết ban đầu về tác phẩm văn học (như đề tài, cốt truyện, nhân vật,...) và góp phần rèn luyện nhân cách cho HS. Tuy vậy, các bài tập đọc ở lớp 5 có số lượng từ nhiều hơn, việc luyện đọc chú ý đến yêu cầu biểu cảm hơn, câu hỏi tìm hiểu bài chú trọng khai thác hàm ý và nghệ thuật biểu hiện nhiều hơn.

Các văn bản mở đầu mỗi tuần thường là truyện kể hoặc kịch, các văn bản ở giữa tuần thường là thơ, văn bản khoa học, văn bản miêu tả.

– Phân môn *Chính tả* rèn các kĩ năng viết, nghe và đọc. Nhiệm vụ của HS là làm các bài tập chính tả đoạn, bài (nghe – viết hoặc nhớ – viết một đoạn văn hay bài văn ngắn), chính tả âm, vần (rèn cách viết đúng các âm, vần dễ lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương) và chính tả viết hoa (rèn cách viết đúng các tên riêng). Bên cạnh tác dụng rèn kĩ năng viết, nghe và đọc, các bài tập chính tả còn cung cấp cho HS vốn từ, vốn hiểu biết về các mảng khác nhau của đời sống. Ở lớp 4 – 5 không còn hình thức chính tả tập chép (nhìn – viết) ; các bài tập chính tả âm – vần cũng có đòi hỏi cao hơn.

– Phân môn *Luyện từ và câu* cung cấp những kiến thức sơ giản về tiếng Việt và rèn luyện kĩ năng dùng từ, đặt câu (nói, viết), kĩ năng đọc cho HS. Cũng như chương trình lớp 4, ở lớp 5 có những tiết học dành riêng để trang bị kiến thức cho HS.

– Phân môn *Kể chuyện* rèn các kĩ năng nói, nghe và đọc. Trong giờ kể chuyện ở lớp 4 – 5, HS không kể lại những câu chuyện vừa được học trong bài tập đọc như ở lớp 2, lớp 3 nữa mà tập kể những câu chuyện được nghe thầy, cô kể trên lớp hoặc được nghe, được đọc, được chứng kiến, tham gia trong đời sống hằng ngày phù hợp với chủ điểm mà các em đang học. Các bài tập kể chuyện đã nghe, đã đọc ngoài giờ học và kể chuyện được chứng kiến, tham gia là hình thức khuyến khích HS đọc sách, phát triển óc quan sát và khả năng vận dụng những điều đã học vào đời sống, vừa đặt ra yêu cầu vừa tạo điều kiện cho HS và nhà trường gắn bó với đời sống.

– Phân môn *Tập làm văn* rèn cả 4 kĩ năng nghe, nói, viết và đọc. HS lớp 5 được dạy các kĩ năng kể chuyện, miêu tả người, cảnh vật. Bên cạnh đó, HS còn được rèn kĩ năng thuyết trình, trao đổi, làm báo cáo thống kê và nâng cao các kĩ năng viết thư, điền vào giấy tờ in sẵn đã hình thành từ các lớp dưới.

Ở các phân môn Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn, HS lớp 5 còn được hướng dẫn ôn tập những nội dung đã học trong toàn cấp học.

### **3. Phân bố thời gian học trong một tuần**

|                   |   |        |
|-------------------|---|--------|
| – Tập đọc         | : | 1 tiết |
| – Chính tả        | : | 1 tiết |
| – Luyện từ và câu | : | 1 tiết |
| – Kể chuyện       | : | 1 tiết |
| – Tập đọc         | : | 1 tiết |
| – Tập làm văn     | : | 1 tiết |
| – Luyện từ và câu | : | 1 tiết |
| – Tập làm văn     | : | 1 tiết |

## **IV – PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC MÔN TIẾNG VIỆT Ở LỚP 5**

### **1. Bản chất của phương pháp dạy – học mới**

Nội dung và phương pháp dạy – học bao giờ cũng gắn bó với nhau. Mỗi nội dung đòi hỏi một phương pháp thích hợp. Các kĩ năng giao tiếp không thể được hình thành và phát triển bằng con đường truyền giảng thụ động. Muốn phát triển những kĩ năng này, HS phải được hoạt động trong môi trường giao tiếp dưới sự hướng dẫn

của thầy (cô). Các kiến thức về ngôn ngữ, văn học, văn hoá, tự nhiên và xã hội có thể được tiếp thu qua lời giảng, nhưng HS chỉ làm chủ được những kiến thức này khi các em chiếm lĩnh chúng bằng chính hoạt động có ý thức của mình. Cũng như vậy, những tư tưởng, tình cảm và nhân cách tốt đẹp chỉ có thể được hình thành chắc chắn thông qua sự rèn luyện trong thực tế. Đó là những lí do cho sự ra đời của phương pháp dạy – học mới : phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học.

Tích cực hoá hoạt động của người học được hiểu là phương pháp dạy – học lấy người học làm trung tâm, trong đó thầy (cô) đóng vai trò người tổ chức hoạt động của HS ; mỗi HS đều được hoạt động, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

## **2. Hoạt động của học sinh trong giờ học môn Tiếng Việt theo phương pháp dạy – học mới**

Trong môn Tiếng Việt, hoạt động của HS có thể là :

- Hoạt động giao tiếp (đặc thù của môn Tiếng Việt).
- Hoạt động phân tích, tổng hợp, thực hành lí thuyết (như ở các môn học khác).

Cả hai loại hoạt động trên có thể được tổ chức theo nhiều hình thức khác nhau :

- + Làm việc độc lập.
- + Làm việc theo nhóm.
- + Làm việc theo lớp.

Trong phần lớn các trường hợp, nhất là trong trường hợp câu hỏi, bài tập đề ra đã rất cụ thể, HS được tổ chức làm việc độc lập. Trong trường hợp câu hỏi, bài tập tương đối trừu tượng hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định và trong trường hợp nếu làm việc chung theo đơn vị lớp sẽ có ít HS được hoạt động thì làm việc theo nhóm là giải pháp tốt nhất. Hình thức làm việc chung theo đơn vị lớp được áp dụng chủ yếu trong trường hợp giáo viên (GV) thực hiện các khâu giới thiệu bài, củng cố bài, nêu những câu hỏi không yêu cầu phải suy nghĩ lâu hoặc để HS trình bày kết quả làm việc.

## **3. Hoạt động của giáo viên trong giờ học theo phương pháp dạy – học mới**

Về phần GV, các hoạt động chủ yếu là :

### *a) Giao việc cho HS*

- Cho HS trình bày yêu cầu của câu hỏi, bài tập.
- Cho HS làm mẫu một phần câu hỏi, bài tập.

– Tóm tắt nhiệm vụ, dặn dò HS.

*b) Kiểm tra HS*

– Xem HS có làm việc không.

– Xem HS có hiểu việc phải làm không.

– Trả lời thắc mắc của HS.

*c) Tổ chức báo cáo kết quả làm việc*

– Các hình thức báo cáo :

+ Báo cáo trực tiếp với GV.

+ Báo cáo trong nhóm.

+ Báo cáo trước lớp.

– Các biện pháp báo cáo :

+ Bằng miệng / bằng bảng con / bằng bảng lớp / bằng phiếu học tập / bằng giấy.

+ Thi đua giữa các nhóm / trình bày cá nhân.

*d) Tổ chức đánh giá*

– Các hình thức đánh giá :

+ Tự đánh giá.

+ Đánh giá trong nhóm.

+ Đánh giá trước lớp.

– Các biện pháp đánh giá :

+ Khen, chê (định tính).

+ Cho điểm (định lượng).

## **V – HƯỚNG DẪN DẠY CÁC PHÂN MÔN TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5**

### **DẠY TẬP ĐỌC**

#### **A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Phân môn Tập đọc giúp HS :

1. củng cố, phát triển kĩ năng đọc trơn, đọc thầm đã được hình thành ở các lớp dưới ; tăng cường tốc độ đọc, khả năng đọc lướt để chọn thông tin nhanh ; khả năng đọc diễn cảm.

2. Phát triển kĩ năng đọc – hiểu lên mức cao hơn : nắm và vận dụng được một số khái niệm như đề tài, cốt truyện, nhân vật, tính cách,... để hiểu ý nghĩa của bài và phát hiện một vài giá trị nghệ thuật trong các bài văn, bài thơ.

3. Mở rộng vốn hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người để góp phần hình thành nhân cách của con người mới.

## **B – NỘI DUNG DẠY HỌC**

### **1. củng cố, nâng cao kĩ năng đọc cho học sinh**

Thông qua 62 bài tập đọc thuộc các loại hình văn bản nghệ thuật, báo chí, khoa học, trong đó có 46 bài văn xuôi (4 bài là trích đoạn kịch), 18 bài thơ (có 4 bài ca dao ngắn được dạy trong cùng một tiết), phân môn Tập đọc ở lớp 5 tiếp tục củng cố, nâng cao kĩ năng đọc trơn, đọc thầm, tiếp tục rèn luyện kĩ năng đọc diễn cảm là kĩ năng bắt đầu được rèn luyện từ lớp 4.

Qua phần hướng dẫn sơ phạm cuối mỗi bài tập đọc (bao gồm các mục giải nghĩa từ, câu hỏi và bài tập tìm hiểu, phân tích bài), phân môn Tập đọc còn giúp HS nâng cao kĩ năng đọc – hiểu văn bản, cụ thể là :

- Nhận biết đề tài, cấu trúc của bài.
- Biết cách tóm tắt bài, làm quen với thao tác đọc lướt để nắm ý.
- Phát hiện giá trị của một số biện pháp nghệ thuật trong các văn bản văn chương.

Cùng với các phân môn Kể chuyện, Tập làm văn, phân môn Tập đọc còn xây dựng cho HS thói quen tìm đọc sách ở thư viện, dùng sách công cụ (từ điển, sổ tay từ ngữ, ngữ pháp) và ghi chép những thông tin cần thiết khi đọc.

### **2. Mở rộng vốn hiểu biết, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, nhân cách cho học sinh**

Nội dung các bài tập đọc trong sách *Tiếng Việt 5* phản ánh một số vấn đề lớn đang đặt ra trước nhân dân ta và toàn nhân loại thông qua ngôn ngữ văn học và những hình tượng giàu chất thẩm mĩ và nhân văn, do đó có tác dụng mở rộng tầm hiểu biết, tầm nhìn về tự nhiên, xã hội và đời sống, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm và nhân cách cho HS.

## C – CÁC BIỆN PHÁP DẠY – HỌC

### 1. Hướng dẫn đọc

#### a) Đọc thành tiếng

GV có thể hướng dẫn HS đọc thành tiếng bằng các biện pháp sau :

– Đọc mẫu : Việc đọc mẫu ở các lớp dưới thường do GV đảm nhận. Đến lớp 5, kĩ năng đọc của HS đã được nâng cao, nhiều HS có thể đạt tới trình độ chuẩn trong những trường hợp nhất định. Do vậy, tùy trường hợp cụ thể, GV có thể chỉ định một số HS khá, giỏi đọc làm mẫu trước. GV chỉ nên đọc mẫu toàn bài khi cả lớp đã hoàn thành các bước luyện đọc tron, trước khi tìm hiểu bài và chuyển sang bước luyện đọc diễn cảm. Các hình thức đọc mẫu bao gồm :

+ Đọc từ, cụm từ nhằm hướng dẫn cách phát âm đúng, trong trường hợp nhiều HS phát âm sai.

+ Đọc câu, đoạn, bài nhằm hướng dẫn cách đọc diễn cảm.

– Dùng lời nói kết hợp chữ viết, kí hiệu và đồ dùng dạy học, hướng dẫn HS cách nghỉ hơi, tốc độ đọc, giọng đọc thích hợp.

– Tổ chức cho HS đọc cá nhân (đọc trong nhóm, đọc trước lớp), đọc đồng thanh (cả nhóm, cả tổ, cả lớp) ; nhận xét cách đọc của HS, sửa lỗi phát âm hoặc lỗi thể hiện nội dung qua giọng đọc cho HS. Ở lớp 4 – 5 nên hạn chế dần số lần đọc đồng thanh và tăng cường hình thức đọc cá nhân.

#### b) Đọc thầm

Các biện pháp có thể áp dụng là :

– Giao nhiệm vụ để định hướng rõ yêu cầu đọc thầm cho HS (đọc câu nào, đoạn nào ; đọc để trả lời câu hỏi hay để ghi nhớ, thuộc lòng ; đọc để trả lời câu hỏi nào).

– Giới hạn thời gian để tăng dần tốc độ đọc thầm cho HS. Cách thực hiện biện pháp này là từng bước rút ngắn thời gian đọc của HS và tăng dần độ khó của nhiệm vụ (đọc lướt để tìm từ ngữ hay chi tiết, hình ảnh nhất định trong 2 phút, 1 phút ; đọc lướt để nêu nội dung chính của đoạn, của bài trong 2 phút, 1 phút).

### 2. Hướng dẫn tìm hiểu bài

#### a) Giúp HS hiểu nghĩa của từ ngữ mới

– Đối với những từ ngữ đã được giải thích trong SGK : GV không nhất thiết phải yêu cầu HS giải thích tất cả các từ ngữ này mà có thể chọn một số từ ngữ khó

để giải thích cho rõ. Biện pháp thực hiện là tổ chức cho HS đọc thâm nội dung chú thích trong SGK rồi trình bày lại.

– Đối với những từ ngữ đã được giải thích trong SGK mà HS vẫn chưa nắm chắc nghĩa hoặc những từ ngữ khác trong bài còn khó hiểu, GV có thể hướng dẫn HS giải thích bằng các biện pháp như sau :

+ Dùng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc từ ngữ thông dụng ở địa phương để giải thích từ ngữ đó.

+ Đặt câu với từ ngữ đó.

+ Miêu tả sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm hoặc tính chất được gọi tên bằng từ ngữ đó.

*b) Giúp HS nắm vững câu hỏi (bài tập) tìm hiểu bài*

Các biện pháp có thể áp dụng là :

– Cho HS đọc thâm câu hỏi (bài tập) rồi trình bày lại yêu cầu của câu hỏi (bài tập) đó.

– GV giải thích thêm cho rõ yêu cầu của câu hỏi (bài tập).

– Tách câu hỏi, bài tập trong SGK thành một số câu hỏi (bài tập) nhỏ hoặc bổ sung câu hỏi phụ để HS dễ thực hiện. Chú ý tránh đặt thêm những câu hỏi không phù hợp với chủ điểm học tập hoặc vượt quá khả năng nhận thức của HS.

– Tổ chức cho HS trả lời hay thực hiện làm mẫu một phần của câu hỏi (bài tập) để cả lớp nắm được yêu cầu của câu hỏi (bài tập) đó.

*c) Tổ chức cho HS trả lời câu hỏi (thực hiện bài tập) tìm hiểu bài*

Các biện pháp có thể áp dụng là :

– Tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, theo nhóm để trả lời câu hỏi hoặc thực hiện bài tập.

– Tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều hình thức khác nhau.

– Trao đổi với HS, sửa lỗi cho HS hoặc tổ chức để HS giải đáp thắc mắc cho nhau, góp ý cho nhau, đánh giá nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu bài.

– Sơ kết, tổng kết ý kiến HS ; ghi bảng nếu cần thiết.

### **3. Ghi bảng**

*a) Yêu cầu chung*

Việc ghi bảng cần đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm và tính thẩm mỹ, cụ thể là :

- Nội dung ghi bảng phải ngắn gọn, chính xác.
- Hình thức ghi bảng phải đẹp.
- Tiến trình ghi bảng phải kết hợp nhịp nhàng với tiến trình dạy học.

*b) Các mô hình trình bày bảng*

*Thứ ....., ngày .... tháng .... năm .....* (Ghi chung cho buổi học)

## Mô hình 1

### TẬP ĐỌC

#### TÊN BÀI

#### Luyện đọc

Ghi những từ ngữ, câu, đoạn văn ngắn hoặc khổ thơ cần luyện đọc ; những lưu ý về cách đọc diễn cảm.

#### Tìm hiểu bài

Ghi từ ngữ, hình ảnh, chi tiết nổi bật, ý chính của đoạn văn, khổ thơ hay của cả bài. Có thể cho HS ghi vở.

*Ghi chú :*

– Cột *Luyện đọc* có thể tách thành 2 hàng : a) Đọc đúng ; b) Đọc hay (đọc diễn cảm).

– Cột *Tìm hiểu bài* cũng có thể tách thành 2 hàng : a) Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết ; b) Ý chính (có thể cho HS ghi vở).

## Mô hình 2

### TẬP ĐỌC

#### TÊN BÀI

#### Phần ghi để lưu giữ

1. *Luyện đọc*

2. *Tìm hiểu bài*

– Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, nhân vật nổi bật.

– Ý nổi bật cần khắc sâu.

3. *Luyện đọc lại hoặc đọc diễn cảm* (với văn bản nghệ thuật) : câu, đoạn văn ngắn, khổ thơ cần hướng dẫn cách đọc ; những lưu ý cụ thể về cách đọc.

#### Phần ghi có thể xoá đi

– Từ ngữ cần luyện đọc.

– Thông tin xuất hiện trong giờ dạy.

– Bài tập HS làm trên bảng lớp.

## D – QUY TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Kiểm tra bài cũ

GV kiểm tra 2 – 3 HS đọc thành tiếng hoặc đọc thuộc lòng bài tập đọc (TĐ) hoặc bài học thuộc lòng (HTL) trước đó, sau đó đặt một số câu hỏi về nội dung bài TĐ (hoặc HTL) để kiểm tra kĩ năng đọc – hiểu.

### 2. Dạy bài mới

#### *a) Giới thiệu bài*

– Nhiệm vụ của hoạt động giới thiệu bài là nêu nhiệm vụ cần thực hiện trong tiết học và gây hứng thú học tập cho HS. Riêng đối với bài tập đọc mở đầu một chủ điểm mới, trước hết, GV cần giới thiệu vài nét chính về chủ điểm.

– Có thể có nhiều cách giới thiệu bài, ví dụ (VD) : gọi mở bằng câu hỏi hoặc bằng tranh ảnh, băng hình, vật thật (nếu cần thiết) hay diễn giảng bằng lời. Tuy nhiên, dù theo cách nào, phần giới thiệu bài cũng cần ngắn gọn, không làm mất thời gian luyện đọc và tìm hiểu bài.

#### *b) Hướng dẫn HS luyện đọc và tìm hiểu bài*

##### *– Luyện đọc :*

+ Một HS khá, giỏi đọc thành tiếng (hoặc hai HS khá, giỏi nối tiếp nhau đọc) toàn bài.

+ HS đọc thành tiếng từng đoạn văn (khổ thơ) :

• Đọc nối tiếp nhau trước lớp : mỗi HS đọc một đoạn theo trình tự các đoạn trong bài (lặp lại 2 – 3 vòng, sao cho nhiều HS trong lớp được đọc). GV kết hợp giúp HS hiểu nghĩa các từ ngữ khó trong bài, sửa lỗi cách đọc cho các em.

• Đọc theo cặp : mỗi HS đọc một đoạn theo trình tự các đoạn trong bài (lặp lại 2 vòng, sao cho mỗi HS đều được đọc tất cả bài).

• Một, hai HS đọc lại toàn bài.

+ GV đọc mẫu toàn bài.

##### *– Tìm hiểu bài :*

GV hướng dẫn HS đọc và trả lời từng câu hỏi trong SGK (hoặc các câu hỏi được chia tách, bổ sung của GV) theo các hình thức dạy học thích hợp.

– *Đọc diễn cảm (với văn bản nghệ thuật) hoặc luyện đọc lại (với văn bản khác) :*

+ Hướng dẫn HS đọc từng đoạn văn (khổ thơ) :

• Một số HS đọc : mỗi em đọc một đoạn theo trình tự các đoạn trong bài.

• GV hướng dẫn, điều chỉnh cách đọc cho các em sau mỗi đoạn.

+ Hướng dẫn kĩ cách đọc một đoạn văn (khổ thơ) :

• GV dùng lời nói hoặc lời nói kết hợp ghi bảng, sử dụng đồ dùng dạy học để hướng dẫn HS cách đọc.

• GV đọc mẫu.

• HS luyện đọc (theo cặp) đoạn đã được GV hướng dẫn cách đọc. GV sửa lỗi cho các em.

+ HS thi đọc diễn cảm trước lớp.

– *Học thuộc lòng (HTL) đối với những bài có yêu cầu thuộc lòng :*

+ HS tự nhắm học thuộc lòng các khổ thơ, bài thơ hay đoạn văn theo chỉ định trong SGK. Đối với những lớp yếu, GV có thể áp dụng một số biện pháp giúp HS học thuộc lòng như ở lớp 3, VD : xoá dần các chữ trong mỗi dòng, mỗi câu, mỗi khổ thơ hay ngược lại, chỉ viết chữ đầu, chữ cuối của mỗi dòng, mỗi câu, mỗi khổ thơ,...

+ GV tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng các khổ thơ, bài thơ hay đoạn văn vừa học thuộc.

*c) Củng cố, dặn dò*

– Hướng dẫn HS chốt lại nội dung chính hoặc ý nghĩa của bài tập đọc.

– Nêu nhận xét về tiết học.

– Nêu yêu cầu tiếp tục luyện tập và chuẩn bị cho bài sau.

*Chú ý :*

– Tùy theo nội dung, cấu tạo của từng bài tập đọc và trình độ của lớp, GV có thể dạy tập đọc theo cách "bổ đọc" như đã hướng dẫn hoặc cách "bổ ngang" : luyện đọc, tìm hiểu bài và hướng dẫn đọc diễn cảm (luyện đọc lại) theo từng đoạn văn, khổ thơ. (VD các bài : *Đất Cà Mau, Chuỗi ngọc lam, Thái sư Trần Thủ Độ, Ứt Vịnh*).

– Việc hướng dẫn đọc diễn cảm hoặc luyện đọc lại cần được vận dụng một cách linh hoạt. Tùy trường hợp, GV có thể áp dụng các biện pháp khác nhau như đọc truyện theo vai, thi đọc tốt một đoạn văn (khổ thơ) hoặc cả bài, tổ chức trò chơi học tập có tác dụng luyện đọc,...

– Mỗi đoạn văn (khổ thơ) có thể được đọc với nhiều cách khác nhau. GV chỉ sửa những cách đọc không phù hợp với nội dung của đoạn, tránh áp đặt, hạn chế sự cảm thụ và sáng tạo của HS.

## **DẠY CHÍNH TẢ**

### **A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Rèn luyện kỹ năng viết chính tả và kỹ năng nghe cho HS.
2. Kết hợp rèn luyện một số kỹ năng sử dụng tiếng Việt và phát triển tư duy cho HS.
3. Mở rộng hiểu biết về cuộc sống, con người, góp phần hình thành nhân cách con người mới.

### **B – NỘI DUNG DẠY – HỌC**

#### **1. Rèn luyện kỹ năng viết chính tả và kỹ năng nghe**

##### *a) Chính tả đoạn, bài*

– Nghe – viết, nhớ – viết một đoạn trích từ bài tập đọc hoặc từ các văn bản khác có nội dung phù hợp với chủ điểm học tập của mỗi tuần, với độ dài khoảng 100 chữ (tiếng).

– HS cần viết chữ đúng mẫu, đúng chính tả, không mắc quá 5 lỗi / 1 bài, đạt tốc độ viết trung bình 90 chữ / 15 phút.

##### *b) Chính tả âm, vần*

– Nội dung các bài tập chính tả âm, vần là ôn lại quy tắc viết một số chữ như *c/k* ; *g/gh* ; *ng/ngh* và tiếp tục luyện viết đúng các từ có âm, vần, thanh dễ viết sai chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Các cặp âm, vần, thanh dễ lẫn được luyện viết gồm :

+ Phụ âm đầu : *l/n*, *tr/ch*, *s/x*, *r/d/gi*.

+ Vần : *an/lang*, *ăn/ăng*, *ân/âng*, *en/eng*, *uôn/uông*, *ơn/ong*, *iên/iêng* ; *ăt/ắc*, *ât/ác*, *uôt/uộc*, *ut/uc*, *ơt/ơc*, *iêt/iêc* ; *ên/ênh*, *êt/êch* ; *im/iêm*, *iui/iêu* ; vần chứa âm chính *o/ô*.

+ Thanh : *thanh hỏi/thanh ngã*.

– Về hình thức, các âm, vần, thanh dễ lẫn được luyện viết thông qua những kiểu bài tập như sau :

+ Điền âm, vần vào chỗ trống hoặc điền thanh trên chữ chưa đánh dấu thanh trong câu, đoạn văn hoặc bài văn.

+ Điền tiếng vào chỗ trống trong câu, đoạn văn hoặc bài văn.

+ Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn, bài văn.

+ Tìm tiếng có nghĩa trong bảng kết hợp phụ âm đầu – vần.

+ Đặt câu để phân biệt các từ có hình thức chính tả dễ lẫn.

+ Giải câu đố để phân biệt các từ có hình thức chính tả dễ lẫn.

+ Tìm từ phù hợp với hình thức chính tả và nghĩa đã cho.

+ Tìm từ láy phù hợp với mô hình cấu tạo đã cho.

+ Tìm từ phù hợp với hình thức chính tả và từ loại đã cho.

+ Tìm những trường hợp chỉ có một hình thức chính tả duy nhất.

+ Phân biệt các chữ viết đúng chính tả với các chữ viết sai chính tả.

+ Chữa lỗi chính tả cho trong SGK hoặc có trong bài làm của bản thân.

+ Ghi vào sổ tay chính tả các lỗi chính tả thường mắc và cách sửa những lỗi ấy.

### *c) Chính tả viết hoa*

– Ôn luyện cách viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam và tên người, tên địa lí nước ngoài.

– Bước đầu rèn luyện để có ý thức về cách viết hoa tên riêng tổ chức, danh hiệu, giải thưởng, huân chương,....

## **2. Rèn luyện một số kĩ năng sử dụng tiếng Việt và phát triển tư duy**

Thông qua các bài tập chính tả, HS được rèn luyện cách phát âm, củng cố nghĩa của từ, trau dồi về ngữ pháp tiếng Việt, góp phần phát triển một số thao tác tư duy cơ bản như so sánh, liên tưởng, ghi nhớ,...

## **3. Mở rộng hiểu biết, góp phần hình thành nhân cách con người mới**

– Thông qua nội dung các bài tập chính tả, mở rộng vốn hiểu biết về cuộc sống, con người cho HS.

– Thông qua cách tổ chức thực hiện các bài tập chính tả, bồi dưỡng cho HS một số đức tính và thái độ cần thiết trong công việc như : cẩn thận, chính xác, có óc thẩm mĩ, lòng tự trọng và tinh thần trách nhiệm,...